UBND XÃ KIẾN HẢI
TRƯỜNG MẦM NON TÚ SƠN
Số: 21/KH-MNTS
DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tú Sơn, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Về việc thu- chi các khoản dịch vụ năm học 2025-2026

I. Thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

1. Trang thiết bị phục vụ bán trú

1.1. Kế hoạch thu:

Stt	Nội dung thu	Số trẻ thực thu			Mức thu		Thành tiền
		HS mới	HS cũ	Tổng HS	HS mới	HS cũ	
1	Trang thiết bị phục vụ bán trú	106	334	440	360.000	200.000	**104.960.000**

1.2. Kế hoạch chi:

Stt	Tên danh mục đồ dùng, trang thiết bị	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	**Đồ dùng bổ sung trang thiết bị bán trú ở lớp học**				
1	Khăn mặt trắng (1 năm 2 lần)	Chiếc	880	8.000	7.040.000
2	Chậu nhỏ	Chiếc	17	35.000	595.000
3	Xô nhựa to	Chiếc	17	45.000	765.000
4	Xô nhựa nhỏ	Chiếc	17	25.000	425.000
5	Dép cháu	Chiếc	156	12.000	1.872.000

Scanned with CamScanner

6	Bàn chải giặt	Chiếc	48	15.000	720.000
7	Gầu hót	Chiếc	17	13.500	229.500
8	Cọ nhà vệ sinh	Chiếc	17	20.000	340.000
9	Dao	Chiếc	2	210.000	420.000
10	Thớt nhựa	Chiếc	4	55.000	220.000
11	Dao thái	Chiếc	9	75.000	675.000
12	Thớt gỗ	Chiếc	1	609.500	609.500
13	Bào	Chiếc	18	65.000	1.170.000
14	Lạo vỏ	Chiếc	18	35.500	639.000
15	Chổi đót (1 năm 3 lần)	Chiếc	51	45.000	2.295.000
16	Chổi quét nước (1 năm 3 lần)	Chiếc	51	35.000	1.785.000
17	Cây lau nhà (1 năm 3 lần)	Chiếc	51	95.000	4.845.000
18	Thảm lau chân (1 năm 2 lần)	Chiếc	136	35.000	4.760.000
19	Chiếu cói	Chiếc	67	180.000	12.060.000
20	Giấy vệ sinh (2 bịch x 9T)	Bịch	306	70.000	21.420.000
21	Vim nhà vệ sinh (2 lọ x 9T)	Lọ	306	35.000	10.710.000
22	Vim lau sàn (2 lọ x 9T)	Lọ	306	35.000	10.710.000
23	Xà phòng giặt	Túi	153	35.000	5.355.000

Scanned with CamScanner

24	Xà phòng rửa tay (lai boy) (5 bánh x 9T)	Bánh	765	20.000	15.300.000
25	Thuế TNDN				
	Tổng cộng				**104.960.000**

2. Tiền ăn bán trú

Tiền ăn		**Nhà trẻ**	**MG 3 tuổi**	**MG 4 tuổi**	**MG 5 tuổi**
Mức thu tiền ăn/vé ăn/ ngày		**26.000**	**26.000**	**26.000**	**26.000**
Mức chi	- Bữa phụ sáng (Uống sữa bột Nutrikid A+)	4.000	4.500	4.500	4.500
	- Bữa trưa	12.000	13.500	13.500	13.500
	- Bữa chiều	7.500	5.500	5.500	5.500
	- Ga, nhiên liệu (điện, nước)	2.500	2.500	2.500	2.500

3. Khoản thu hỗ trợ phục vụ chăm sóc bán trú.

3.1 Phần thu

Scanned with CamScanner

Stt	Nội dung thu	Số trẻ theo chỉ tiêu giao	Số trẻ thất thu do trẻ nghỉ (7%)	Số trẻ tính thu	Mức thu	Số tháng	Thành tiền
A	B	1	2=1*10%	3=1-2	4	5	6=3*4*5
3.1.1	Thu hỗ trợ hoạt động chăm sóc bán trú	475	35	440	150.000	9	594.000.000
	Tổng Thu						**594.000.000**

3.2 Phần chi

3.2.1	Chi tiền lương và các khoản đóng góp của nhân viên nấu ăn 82,9% (Kèm biểu 1.1) theo số thực thu trong tháng	**492.426.000**
3.2.2	Chi tiền 11,3% cho công tác quản lý hiệu trưởng: 4,2%, hiệu phó nuôi: 3,8%, Kế toán: 3,3%* 9 tháng (Kèm biểu 1) theo số thực thu trong tháng	**67.122.000**
3.2.3	Chi nộp 2% thuế TNDN theo doanh thu (Trong trường hợp không phải nộp thuế TNDN thì số tiền này chi vào lương cho cô nuôi)	**11.880.000**
3.2.4	Chi vệ sinh bán trú: 3,8% (Kèm theo biểu 1.2) theo số thực thu trong tháng	**22.572.000**

4. Khoản thu quản lý trẻ ngoài giờ hành chính (trông trưa)

4.1 Phần thu

Scanned with CamScanner

Stt	Nội dung thu	Số trẻ theo chỉ tiêu giao	Số trẻ thất thu do trẻ nghỉ (10%)	Số trẻ tính thu	Mức thu	Số tháng	Thành tiền
A	B	1	2=1*10%	3=1-2	4	5	6=3*4*5
4.1.1	Thu quản lý trẻ ngoài giờ	475	35	440	220.000	9	**871.200.000**

4.2 Phần chi

Stt	Nội dung chi	
4.2.1	- Chi 82 % Giáo viên, người lao động trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý trẻ chi theo số tiền thực thu trong tháng x 9 tháng (Kèm biểu 02)	714.384.000
4.2.2	- Chi 16% cho công tác quản lý theo số tiền thực thu trong tháng (Hiệu trưởng: 3,9%; Phó hiệu trưởng phụ trách CM 5%; Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng: 2,6%; Kế toán 3,5%; Thủ quỹ: 1%) x 9 tháng	139.392.000
4.2.3	- Chi 2% nộp thuế x 9 tháng (Trong trường hợp không phải nộp thuế TNDN thì số tiền này chi vào lương ngoài giờ cho giáo viên)	17.424.000
	Cộng chi	**871.200.000**

5. Khoản thu dịch vụ chăm sóc học ngày thứ 7

5.1 Phần thu

Stt	Nội dung thu	Số trẻ theo chỉ tiêu giao	Số trẻ thất thu do trẻ nghỉ (10%)	Số trẻ tính thu	Mức thu	Số tháng	Thành tiền

Scanned with CamScanner

A	B	1	2=1*10%	3=1-2	4	5	6=3*4*5
5.1.1	Thu học thứ 7			250	200.000	9	**450.000.000**

5.2 Phần chi

Stt	Nội dung chi	
5.2.1	- Chi 88 % cho giáo viên, nhân viên người lao động chi theo số tiền thực thu trong tháng x 9 tháng	396.000.000
5.2.2	- Chi 10 % cho công tác quản lý (Hiệu trưởng 4%, 2HP mỗi hiệu phó 3%) chi theo số tiền thực thu trong tháng x 9 tháng	45.000.000
5.2.3	- Chi 2% nộp thuế x 9 tháng (Trong trường hợp không phải nộp thuế TNDN thì số tiền này chi vào lương dạy thứ 7 cho giáo viên, nhân viên)	9.000.000
	Tổng	**450.000.000**

6. Khoản thu chi cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng anh

6.1 phần thu

Stt	Nội dung thu	Số trẻ tính thu	Mức thu	Số tháng	Thành tiền
A	B	3=1-2	4	5	6=3*4*5
6.1.1	Thu học tiếng anh	130	160.000	9	**187.200.000**

Scanned with CamScanner

6.2 phần chi

Stt	Nội dung chi	
6.2.1	Chi 75% cho trung tâm ngoại ngữ theo hợp đồng chi theo số tiền thực thu trong tháng x 9 tháng	140.400.000
6.2.2	Chi 25% để lại trường theo số tiền thực thu trong tháng x 9 tháng trong đó: phân bổ chi 100% số tiền 25% để lại tại đơn vị.	46.800.000
	- Chi 53% cho giáo viên trợ giảng	21.060.000
	- Chi 45% cho công tác quản lý theo số tiền thực thu trong tháng (Hiệu trưởng: 13%; Phó hiệu trưởng phụ trách : 11% * 2 người; Kế toán 10%) x 9 tháng .	24.804.000
	- Chi nộp 2% thuế TNDN theo doanh thu (Trong trường hợp không phải nộp thuế TNDN thì số tiền này chi vào lương trợ giảng cho giáo viên)	936.000
	Cộng chi	**187.200.000**

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D XÃ KIẾN HẢI T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG MẦM NON TÚ SƠN

Bùi Thị Hà

Scanned with CamScanner